

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 5-2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Phương, Bà Trần Thị Trà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về “Tranh chấp Hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ thường trú: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở hiện nay: tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đình B, sinh năm 1993. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Nga. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lê Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Bùi Đình B đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2021, anh B đi xuất khẩu lao động tại Serbia, từ đó mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt, vợ chồng không có tiếng nói chung nhất là trong việc chăm sóc con cái, quan điểm sống... Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Đình B.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung Bùi Khánh A, sinh ngày 16/11/2018. Nguyên vọng của chị M là muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do bận công việc. Chị ủy quyền việc giao nộp tài liệu, liên hệ Tòa án làm các thủ tục cho anh Trần Thanh M1, sinh năm 1988, số căn cước công dân 082088007887, địa chỉ liên hệ: lầu 1, số A N, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Bùi Đình B thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh B là “AnBinh” (do ông Bùi Đình T và bà Bùi Thị D là bố, mẹ đẻ của anh Bùi Đình B1 cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn Bùi Đình B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình B thống nhất về nội dung trình bày của chị Lê Thị M về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. Năm 2021, anh B đi xuất khẩu lao động tại Serbia. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều khúc mắc, sống xa cách và thiếu sự tin tưởng với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn tới tình cảm phai nhạt. Anh Bùi Đình B đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung Bùi Khánh A, sinh ngày 16/11/2018. Anh Bùi Đình B đồng ý giao con chung cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh B không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, anh không cung cấp được địa chỉ hiện tại nơi anh ở là C nên anh xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bố đẻ là ông Bùi Đình T thay anh thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án. Quá trình làm việc, ông Bùi Đình T đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản của anh Bùi Đình B, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 143, khoản 4 Điều 147,

464, 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị M, xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình B.

Về con chung: Giao con chung Bùi Khánh A, sinh ngày 16/11/2018 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị M và anh Bùi Đình B đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nay do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Đình B. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh số 7169/QLXNC-P3 ngày 10/4/2024 của Cục Q - Bộ C1, xác nhận: anh Bùi Đình B, sinh ngày 10/6/1993; số hộ chiếu: C9087867; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Đ (nay là Bùi La N), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 25/3/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị M hiện đang sinh sống tại thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Bùi Đình B hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Cộng hòa liên bang N1, không cung cấp được địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh B xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh B theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị M và anh Bùi Đình B đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị M và anh B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2021, anh B đi xuất khẩu lao động tại Serbia (hiện nay anh ở CHLB N), từ đó mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt. Nay nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Đình B.

Anh Bùi Đình B xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh thống nhất với việc chị M đề nghị ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh B là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M yêu cầu được ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị M, xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình B.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung Bùi Khánh A, sinh ngày 16/11/2018. Anh Bùi Đình B đồng ý giao con chung cho chị Lê Thị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Bùi Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M, anh B xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị M, xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình B.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Khánh A, sinh ngày 16/11/2018 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000819 ngày 19/3/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tùng